

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày 20 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Bé;
2. Ông Võ Hùng Em.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Hữu Có, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/6/2025 và 20/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 566/2024/TLST-DS ngày 19/11/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-DS ngày 19/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐST-DS ngày 04/6/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S tiền có ngay, địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Hà Lê Quang T, sinh năm 1993, địa chỉ: Số C Đường C, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: Ngày 07/5/2021, bị đơn Nguyễn Thị Bích L có cầm cố tài sản cho nguyên đơn 01 xe mô tô 02 bánh,

biển số 66N1-193.41 với số tiền cầm cố là 16.100.000đ, thời hạn cầm cố là 12 tháng, với mức lãi suất 1,1%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng thì phía nguyên đơn cho chị L mượn lại xe và chị L đã trả được gốc, lãi 02 đợt, hiện còn nợ lại tiền gốc 14.090.046đ, mặc dù đã liên hệ nhiều lần nhưng chị L vẫn chưa thanh toán tiền nợ cho Công ty.

Do đó, khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền 14.090.046đ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị L trả số tiền nợ gốc 14.090.046đ, lãi trong hạn 1.012.605đ và lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2025 8.826.709đ, tổng cộng 23.929.360đ (làm tròn 23.929.000đ) không yêu cầu trả phí phát sinh quản lý hồ sơ, hao mòn tài sản. Đối với xe đã cho mượn từ hợp đồng cầm cố thì không tranh chấp.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị Bích L không có mặt và cũng không cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định, riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L trả số tiền số tiền 23.929.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn ở tại huyện T về hợp đồng cầm cố tài sản, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi số tiền yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu bị đơn trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản, là có lợi cho bị đơn, nghĩ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã thực hiện thông báo và tổng đạt cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không cung cấp tờ khai và cũng không ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo phiếu đăng ký kiêm hợp đồng cầm cố số: CLM210501003NA15X ngày 07/05/2021 nhưng phía bị

đơn không có ý kiến hay phản đối gì. Do đó nghĩ buộc chị Nguyễn Thị Bích L trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền nợ gốc 14.090.146, lãi trong hạn 1.012.605, lãi quá hạn 8.826.709đ, tổng cộng 23.929.360 đồng (làm tròn 23.929.000đ) là phù hợp quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 309, 311 của Bộ luật dân sự.

[3] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, chị L có trách nhiệm trả tiền thì phải chịu án phí trên là 1.196.450đồng (làm tròn 1.196.500 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 92, 147, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 309, 311 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc chị Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm trả 23.929.000 đồng tiền nợ cho Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Bích L phải nộp 1.196.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Công ty cổ phần S tiền có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S tiền có ngay 509.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Hà Lê Quang T nộp thay) theo biên lai thu số 0014933 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**